

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
K8 – LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST-VB

Ngày: 18 - 8 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN K8 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Duy Bình và ông Hồ Trọng Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tráng Kháy Phìn - Thư ký Tòa án nhân dân K8 - Lào Cai.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân K8 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2025/TLST-HNGĐ-VB ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Quang Đ, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 5 năm 2025; bản tự khai đề ngày 06 tháng 5 năm 2025; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Quang Đ tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/2011, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, không đăng ký kết hôn. Ngày 15/01/2013, anh chị đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai (Nay là xã B, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế cũng như nuôi dạy con cái. Ngoài ra, anh Đ còn cho rằng chị ngoại tình với người đàn ông khác nên chửi mắng, xúc phạm chị, vợ chồng chị thường xuyên cãi chửi nhau nên chung sống với nhau không hòa thuận, không hạnh phúc. Do không thể chung sống cùng với nhau được nữa nên từ năm 2022 vợ chồng chị đã sống ly thân đến nay, không quan tâm tình cảm gì đến nhau, việc

ai người đó làm, tự làm ăn kinh tế riêng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian vợ chồng chị sống ly thân đã lâu, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không còn khả năng khắc phục nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Quang Đ để sớm đảm bảo cuộc sống cho bản thân chị.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Quang Đ chỉ có 02 người con chung là cháu Phạm Quang N, sinh ngày 27/11/2012 và cháu Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 30/9/2014. Hai cháu hiện nay đang ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị V hiện nay kinh doanh quán cà phê, buôn bán tại xã B, tỉnh Lào Cai, thu nhập được 12.000.000 đồng/tháng. Tại địa phương mức nuôi dưỡng con chung của anh chị là 1.000.000 đồng/tháng/cháu nên chị V đủ điều kiện nuôi con khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Quang Đ không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Hiện nay vợ chồng chị V nợ ngân hàng N1 chi nhánh V1, tỉnh Lào Cai tổng số tiền 1.100.000.000 đồng; không cho ai vay nợ gì. Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ chung khi ly hôn.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

2. Ý kiến của bị đơn: Tại bản tự khai đề ngày 09 tháng 6 năm 2025, bị đơn anh Phạm Quang Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quang Đ và chị Nguyễn Thị V yêu nhau từ năm 2009, đến ngày 02/11/2011 thì được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Đến ngày 15/01/2013 vợ chồng anh tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị V ngoại tình, năm 2016 vợ chồng anh lại về chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2022 chị V lại đi ngoại tình và anh bắt được, có chứng cứ lúc đó vợ chồng mới nặng nề về chuyện tình cảm. Từ năm 2022, vợ chồng anh sống ly thân đến nay, không quan tâm tình cảm gì đến nhau nữa. Ngày 12/02/2025, anh Đ về giỗ mẹ vợ và hai bên đã thỏa thuận nhà cửa chung của vợ chồng thì để cho hai con, anh Đ lấy vợ cũng không được đưa về đây, chị V lấy chồng cũng không được đưa về đây. Anh Đ đã ký vào đơn ly hôn một lần cho chị V. Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ thì anh Đ đồng ý ly hôn với chị V nhưng phải thông nhất thỏa thuận tài sản để cho con như anh Đ đã trình bày. Đơn của chị V trình bày cũng đúng nhưng từ năm 2022 thì tình trạng vợ chồng anh nặng nề hơn.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh Phạm Quang Đ và chị Nguyễn Thị V có hai người con chung là cháu Phạm Quang N, sinh ngày 27/11/2012 và cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 30/9/2014. Từ khi vợ chồng anh sống ly thân các cháu ở với chị V tại nhà chung của vợ chồng anh, anh Đ vẫn đi về bình thường

nhưng vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Khi ly hôn, do không muốn cho anh em các con xa nhau, nếu như chị V đồng ý để lại nhà cửa cho con như anh Đ đã nói thì anh Đ đồng ý để chị V nuôi cả hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi; nếu như chị V đưa người khác về nhà chung của vợ chồng anh thì anh sẽ nuôi cả hai con đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống, anh Phạm Quang Đ và chị Nguyễn Thị V được bố mẹ chị Nguyễn Thị V cho 01 mảnh đất diện tích là 200 m² thổ cư, tách sổ ngày 01/7/2012, đã được cấp bìa đỏ mang tên chị Nguyễn Thị V. Nếu chị V đồng ý để lại nhà cho các con như anh Đ đã nói ở trên thì anh Đ để lại toàn bộ tài sản cho chị V gồm nhà và 01 cái quán dưới Đền C, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai cho chị V quản lý, sử dụng nhưng không được đưa ai về đây ở. Anh Phạm Quang Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- Về công nợ chung: Vợ chồng anh Phạm Quang Đ nợ ngân hàng N1 chi nhánh huyện V1, tỉnh Lào Cai tổng số tiền 1.100.000.000 đồng gồm số tiền 600.000.000 đồng vay về làm nhà và 500.000.000 đồng anh Đ vay về làm ăn; khi làm nhà anh Đ có chuyển thêm cho chị V hơn 300.000.000 đồng. Khi ly hôn, nếu chị V đồng ý về tài sản như anh Đ đã nói ở trên thì anh Đ có trách nhiệm sẽ tự đứng ra trả cho ngân hàng số nợ 500.000.000 đồng anh vay về làm ăn; còn 600.000.000 đồng thì hai bên sẽ tiếp tục trả; còn 300.000.000 đồng thì anh Đ để cho chị V nuôi con, anh Đ không có ý kiến gì. Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ chung khi ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do tại phiên họp, phiên tòa.

3. Ý kiến của con chưa thành niên: Cháu Phạm Quang N và cháu Phạm Thị Khánh L đều trình bày ý kiến là có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, chị V đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Phạm Quang Đ có địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân K8 – Lào Cai. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Quang Đ là hợp pháp. Chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Quang Đ tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/2011, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, không đăng ký kết hôn. Ngày 15/01/2013, anh chị đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai (Nay là xã B, tỉnh Lào Cai). Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được địa phương xác nhận. Chị Nguyễn Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Quang Đ, anh Phạm Quang Đ cũng đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị V nếu như hai bên thống nhất được với nhau về tài sản nhưng không thống nhất được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị Nguyễn Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Quang Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Phạm Quang Đ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Quang Đ chỉ có 02 người con chung là cháu Phạm Quang N, sinh ngày 27/11/2012 và cháu Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 30/9/2014. Hai cháu hiện nay đang ở cùng với chị V. Khi ly hôn, chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Phạm Quang Đ không muốn cho anh em các con xa nhau.

Nhận thấy, chị Nguyễn Thị V hiện nay kinh doanh quán cà phê, buôn bán tại xã B, tỉnh Lào Cai, thu nhập được 12.000.000 đồng/tháng. Tại địa phương mức nuôi dưỡng con chung của anh chị là 1.000.000 đồng/tháng/cháu nên chị V đủ điều kiện nuôi con khi ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu N và cháu L cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung khi ly hôn; Tòa án đã thông báo cho Ngân hàng về khoản nợ của vợ chồng chị V và anh Đ nhưng Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Quang Đ. Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Quang Đ chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Phạm Quang N, sinh ngày 27/11/2012 và cháu Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 30/9/2014 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Phạm Quang Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004267 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai (Nay là phòng Thi hành án dân sự K8 – Lào Cai). Chị Nguyễn Thị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND K8 – Lào Cai (2);
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Bảo Hà, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Văn Bàn (2);
- CCTHADS huyện Văn Bàn;
- UBND xã Nàn Sán
và UBND xã Quan Hồ Thân,
huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sầm Thị Tươi

